

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Sau một ngày giảng co, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,870.79 điểm, giảm gần 12 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dầu khí giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Hóa chất, Bảo hiểm,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên hai sàn còn lại. Diễn biến giảng co vẫn chiếm vị thế chủ đạo; VN-Index chưa có dấu hiệu cụ thể xác định xu hướng ngắn hạn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 4111G6000, 4111G9000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 23/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-11.94** điểm, đóng cửa tại **1870.79** điểm. HNX-Index **-5.47** điểm, đóng cửa tại **252.96** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+7.38)**, **VHM (+1.81)**, **VJC (+1.72)**, **TCX (+1.53)**, **TCB (+0.78)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-4.19)**, **GAS (-2.01)**, **BID (-1.78)**, **GVR (-1.72)**, **VNM (-1.58)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **27,468** tỷ đồng, giảm **-4.48%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 29,367 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 31.96 điểm. Thị trường có 81 mã tăng, 47 mã tham chiếu, **251** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-207.75** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCB (-350.14 tỷ)**, **VHM (-169.26 tỷ)**, **CTG (-125.34 tỷ)**, **VPB (-88.41 tỷ)**, **BSR (-78.16 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **6.07** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.41%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VCI (+2.13%)** ([Link báo cáo](#))
 - VHM (+1.66%)** ([Link báo cáo](#))
 - TCB (+1.39%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-1.77%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VJC (+6.96%)** ([Link báo cáo](#))
 - VIC (+2.67%)** ([Link báo cáo](#))
 - PNJ (+1.81%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.41%	-1.77%	-0.63%	-0.22%
1 tuần	2.01%	1.07%	-0.44%	-0.12%
1 tháng	11.67%	5.45%	4.93%	2.70%
3 tháng	12.83%	2.58%	11.15%	6.85%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,870.79	252.96	127.07
% 1D	-0.63%	-2.12%	-0.08%
GTKL (tỷ VND)	27,468	1,855	896
%1D	-4.48%	-22.14%	-35.43%
GDNN (tỷ VND)	-207.75	6.07	3.50

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	252.29	VCB	-350.14
TCX	159.55	VHM	-169.26
PLX	97.99	CTG	-125.34
ACB	91.41	VPB	-88.41
GMD	85.27	BSR	-78.16

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,913	0.55%	-0.19%
FTSE100	10,165	0.14%	-0.69%
Eurostoxx	5,943	-0.24%	-1.15%
Shanghai	4,136	0.33%	0.83%
Nikkei	53,847	0.29%	-0.11%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.71	0.41%
Giá vàng	4,921	-0.32%
Tỷ giá		
USD/VND	26,381	
EUR/VND	31,645	0.49%
JPY/VND	170	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	6.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



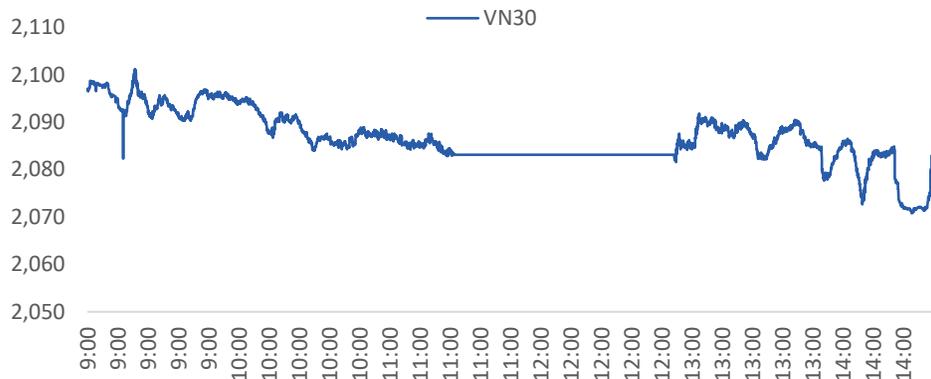
Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday


Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
4111G2000	2076.00	-0.53%	253,427	-14.7%	13/02/2026	21
4111G6000	2077.40	0.31%	38	8.6%	18/06/2026	146
4111G9000	2080.30	0.40%	37	-30.2%	17/09/2026	237
4111G3000	2076.00	-0.09%	589	-16.81%	19/03/2026	55

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -4.59 điểm, đóng cửa tại 2077.76 điểm. Biên độ dao động 28.54 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VNM, VPB, LPB, VCB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán kéo VN30 đóng cửa dưới tham chiếu, nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn tiếp tục có sự phân hóa sâu sắc. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 4111G6000, 4111G9000. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 4111G6000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CACB2601	19/06/2026	147	100	13.13%	25.00	1,670	85.6%	0.98	28.34	25.05	25.05
CVPB2604	29/06/2026	157	117,500	22.53%	30.00	1,640	45.1%	0.70	34.92	28.50	28.50
CSTB2525	23/07/2026	181	100	14.31%	57.20	3,590	44.2%	2.59	71.56	62.60	62.60
CSTB2529	25/03/2026	61	1,523,200	11.34%	65.50	2,100	33.8%	1.48	69.70	62.60	62.60
CSTB2530	25/06/2026	153	25,900	19.55%	67.80	3,520	33.3%	2.36	74.84	62.60	62.60
CTCB2518	23/02/2026	31	1,050,600	3.88%	35.07	1,460	24.8%	1.17	37.92	36.50	36.50
CSTB2535	11/05/2026	108	20,800	21.68%	71.70	1,490	22.1%	0.82	76.17	62.60	62.60
CSTB2538	26/05/2026	123	242,700	4.22%	54.50	3,580	16.2%	3.62	65.24	62.60	62.60
CVHM2522	25/06/2026	153	78,500	14.68%	117.69	2,850	13.1%	1.84	140.49	122.50	122.50
CSTB2534	9/02/2026	17	511,800	16.23%	71.70	530	12.8%	0.07	72.76	62.60	62.60
CVHM2518	4/05/2026	101	7,700	6.94%	91.00	5,000	12.6%	4.13	131.00	122.50	122.50
CTCB2512	23/06/2026	151	1,189,000	10.23%	36.05	2,150	12.6%	1.86	40.23	36.50	36.50
CTCB2517	25/06/2026	153	35,800	31.02%	45.58	460	12.2%	0.16	47.82	36.50	36.50
CVIC2514	25/06/2026	153	4,800	1.24%	74.44	18,600	11.7%	18.48	167.44	165.40	165.40
CVHM2520	23/07/2026	181	100	17.06%	111.90	6,300	11.7%	3.85	143.40	122.50	122.50
CSTB2519	23/06/2026	151	210,700	7.35%	51.00	5,400	11.6%	4.66	67.20	62.60	62.60
CTCB2601	26/10/2026	276	60,800	16.27%	37.00	1,360	11.5%	1.13	42.44	36.50	36.50
CSTB2532	8/09/2026	228	95,800	26.52%	68.70	3,500	11.5%	2.00	79.20	62.60	62.60
CSTB2528	23/02/2026	31	332,500	4.30%	49.00	5,430	10.8%	4.61	65.29	62.60	62.60
CVHM2516	23/06/2026	151	452,500	4.98%	79.00	12,400	10.7%	11.30	128.60	122.50	122.50

Nguồn: BSC

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 23/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2601 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 85.56%. CSTB2514 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.37%.
- CFPT2606, CVHM2521, CVRE2526, CVIB2603, CVRE2525 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2511, CVHM2512 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VJC	193.60	6.96%	5.91
VIC	165.40	2.67%	4.42
VHM	122.50	1.66%	1.86
TCB	36.50	1.39%	1.43
VRE	32.40	1.73%	0.84

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	101.00	-2.42%	-5.78
VNM	67.20	-5.22%	-4.84
VPB	28.50	-2.40%	-2.36
LPB	42.40	-2.08%	-1.81
VCB	68.60	-3.38%	-1.54

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	165.40	2.67%	7.38	7.73
VHM	122.50	1.66%	1.81	4.11
VJC	193.60	6.96%	1.72	0.59
TCX	55.60	5.50%	1.53	2.31
TCB	36.50	1.39%	0.78	7.09

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIF	16.00	3.23%	0.11	0.35
DP3	63.20	7.12%	0.06	0.02
SHS	19.50	0.52%	0.05	0.90
KSV	150.30	0.20%	0.04	0.20
BCF	40.70	3.83%	0.03	0.04

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VJC	193.60	6.96%	1.78	2.92
PMG	9.08	6.95%	0.01	0.02
OGC	4.27	6.75%	0.02	2.72
VAB	11.20	6.67%	0.14	2.68
ABR	14.70	5.76%	0.00	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	58.00	9.85%	0.22	0.01
ARM	33.50	9.84%	0.04	0.00
KDM	25.90	9.75%	0.08	0.28
ATS	19.50	9.55%	0.03	0.00
SDA	2.30	9.52%	0.02	0.07

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	68.60	-3.38%	-4.19	8.36
GAS	100.80	-3.82%	-2.01	2.41
BID	50.80	-2.31%	-1.78	7.02
GVR	36.90	-5.38%	-1.72	4.00
VNM	67.20	-5.22%	-1.58	2.09

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

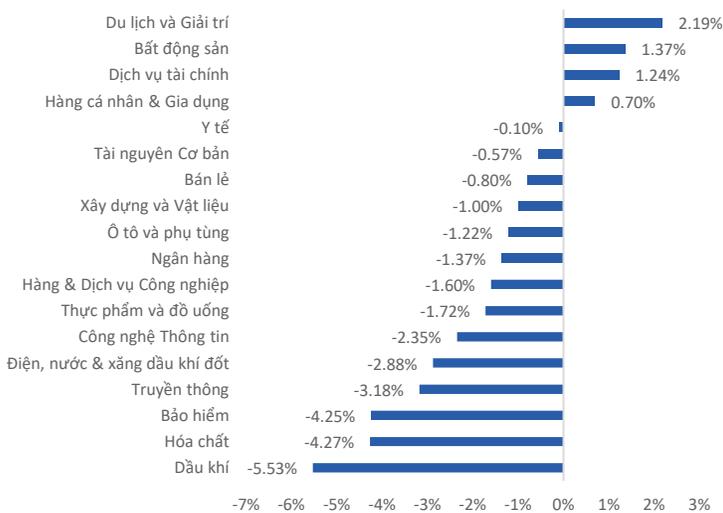
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	67.40	-6.13%	-2.16	0.90
PVI	90.00	-5.26%	-0.64	0.23
PVS	38.70	-3.73%	-0.43	0.51
IDC	45.50	-4.01%	-0.40	0.38
CEO	19.40	-5.83%	-0.37	0.57

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

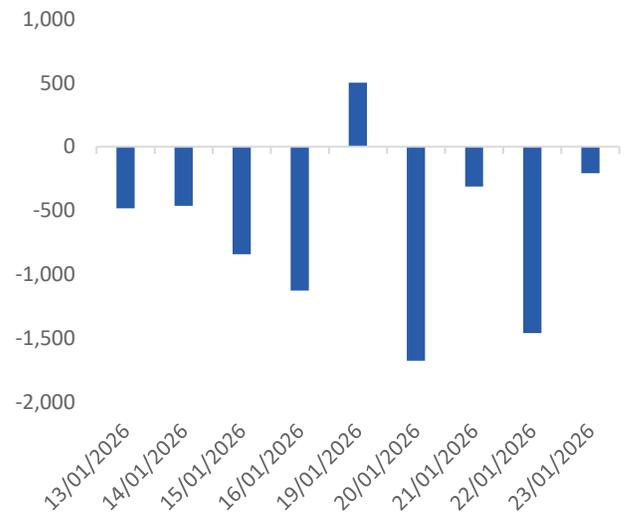
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BSR	20.65	-6.98%	-1.61	40.77
BCM	69.30	-6.98%	-1.12	1.97
DLG	3.31	-6.76%	-0.01	7.76
PET	33.20	-6.61%	-0.05	12.43
DRH	2.13	-6.58%	0.00	0.48

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VE3	6.40	-9.86%	0.00	0.00
PLC	32.30	-9.78%	-1.08	2.06
KTS	31.50	-9.74%	-0.07	0.02
PJC	27.80	-9.74%	-0.08	0.00
CTT	24.30	-9.67%	-0.05	0.00

**Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2**


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

**Hình 2
Giao dịch khối ngoại**


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tài báo cáo
MWG	Bán lẻ	85.8	-0.8%	1.2	125,994	648.9	3,957	21.7	106,000	47.8%	Link
KBC	Bất động sản	36.3	-2.9%	1.1	34,186	319.4	1,872	19.4	46,000	11.1%	Link
KDH	Bất động sản	28.9	-1.4%	1.2	32,432	84.2	857	33.7	39,900	27.5%	Link
PDR	Bất động sản	17.8	-2.2%	1.6	17,761	129.0	211	84.5	28,200	7.6%	Link
VHM	Bất động sản	122.5	1.7%	1.2	503,158	906.9	6,133	20.0	119,600	8.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	101.0	-2.4%	0.5	172,054	987.6	5,280	19.1	118,700	39.5%	Link
BSR	Dầu khí	20.7	-7.0%	0.0	103,401	864.8	413		23,200	1.4%	Link
PVS	Dầu khí	38.7	-3.7%	1.5	19,792	341.8	2,841	13.6	42,800	15.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.7	0.0%	1.3	25,541	387.8	1,454	16.3		34.1%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	31.9	0.0%	1.3	79,466	845.2	1,833	17.4		33.2%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	35.9	2.1%	1.2	30,519	862.2	1,849	19.4		16.5%	Link
DCM	Hóa chất	36.1	-5.0%	1.2	19,085	152.8	3,578	10.1	47,300	3.8%	Link
DGC	Hóa chất	73.9	0.1%	1.1	28,066	650.3	8,296	8.9	109,300	6.0%	Link
ACB	Ngân hàng	25.1	0.8%	0.9	128,673	294.8	3,385	7.4	28,400	28.5%	Link
CTG	Ngân hàng	39.0	-2.3%	1.1	302,911	716.5	4,292	9.1	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	29.6	1.4%	1.2	148,156	698.7	3,004	9.9	34,400	23.0%	Link
MBB	Ngân hàng	27.0	0.0%	1.1	217,082	620.1	3,017	8.9	29,300	21.8%	Link
MSB	Ngân hàng	12.5	-1.2%	1.0	38,844	47.1	1,729	7.2	14,000	29.4%	Link
STB	Ngân hàng	62.6	-1.4%	1.1	118,015	1070.8	6,519	9.6		13.9%	Link
TCB	Ngân hàng	36.5	1.4%	1.0	258,648	798.8	3,577	10.2	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.3	-0.9%	1.1	47,852	105.0	2,358	7.3	-	24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	68.6	-3.4%	0.9	573,199	1446.7	4,202	16.3	73,200	21.4%	Link
VIB	Ngân hàng	17.8	-0.3%	0.9	60,591	76.0	2,225	8.0	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.5	-2.4%	1.1	226,117	896.6	3,024	9.4	35,650	25.1%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.8	-0.4%	1.1	205,319	665.7	1,876	14.3	33,170	20.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.4	-1.8%	1.2	10,153	38.7	1,184	13.8	19,800	4.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.2	-1.6%	1.2	10,834	146.5	4,150	6.8	28,800	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	79.0	-1.1%	1.2	114,227	338.8	2,196	36.0	98,300	22.5%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	67.2	-5.2%	0.7	140,445	1099.2	4,160	16.2	64,500	50.3%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	45.8	1.67%	1.3	10,118	85.5	2,408	19.0	21.8%		Link
FRT	Bán lẻ	151.8	-0.98%	0.9	25,852	59.8	3,620	41.9	32.2%		Link
BVH	Bảo hiểm	72.6	-4.47%	1.2	53,893	91.5	3,578	20.3	26.7%		Link
DIG	Bất động sản	16.1	-3.01%	1.3	12,823	119.0	514	31.4	3.2%		Link
DXG	Bất động sản	15.3	-2.86%	1.4	17,019	151.3	396	38.7	23.9%		Link
HDC	Bất động sản	21.8	-4.39%	1.3	4,355	130.0	2,559	8.5	3.0%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	26.3	-2.41%	1.5	9,730	42.4	938	28.0	19.2%		Link
IDC	Bất động sản	45.5	-4.01%	1.4	17,267	264.1	4,849	9.4	12.8%		Link
NLG	Bất động sản	29.7	-3.57%	1.2	14,407	84.0	2,166	13.7	43.4%		Link
SIP	Bất động sản	58.0	-0.17%	1.1	14,043	29.0	5,474	10.6	2.9%		Link
SZC	Bất động sản	31.3	-2.04%	1.0	5,625	22.2	1,917	16.3	2.8%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	15.4	-4.36%	1.3	14,001	87.7	801	19.2	10.4%		Link
VIC	Bất động sản	165.4	2.67%	1.0	1,274,578	551.1	1,147	144.2	3.1%		Link
VRE	Bất động sản	32.4	1.73%	1.0	73,623	256.6	2,144	15.1	12.7%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.0	-3.10%	1.3	8,385	16.1	1,680	21.4	38.2%		Link
PLX	Dầu khí	54.6	-3.36%	1.0	69,374	679.7	2,090	26.1	15.1%		Link
PVD	Dầu khí	27.6	-5.15%	1.1	15,342	226.1	1,602	17.2	10.7%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.6	-0.76%	1.3	11,296	28.8	1,161	28.1	24.9%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	26.5	0.00%	1.7	17,455	125.1	1,887	14.0	1.2%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	100.8	-3.82%	1.2	243,225	355.0	5,014	20.1	2.3%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.9	-6.08%	1.3	42,643	284.0	674	20.6	5.0%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.8	-0.63%	0.7	34,016	26.3	4,776	13.2	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	193.6	6.96%	1.0	114,536	527.6	2,897	66.8	7.0%		Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	39.2	-1.88%	1.4	35,374	287.6	2,313	17.0	8.6%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	68.5	-2.14%	1.1	29,215	174.9	3,493	19.6	38.0%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.7	-2.20%	1.0	9,743	148.8	6,185	9.3	7.3%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.9	-4.80%	1.1	9,328	87.5	2,090	9.5	10.6%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	114.7	-5.21%	0.0	13,969	164.3	3,139	36.5	5.3%		Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	112.4	1.81%	1.1	38,345	269.9	6,908	16.3	48.1%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.2	-0.91%	1.0	3,047	52.3	2,535	10.7	48.5%		Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.7	-1.01%	1.4	2,536	30.6	3,163	6.2	17.4%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	24.6	-5.03%	1.1	16,692	152.0	1,212	20.3	4.0%		Link
GVR	Hóa chất	36.9	-5.38%	1.2	147,600	246.7	1,569	23.5	0.7%		Link
EIB	Ngân hàng	22.6	0.67%	1.3	42,004	156.0	1,635	13.8	3.0%		Link
LPB	Ngân hàng	42.4	-2.08%	0.4	126,661	83.1	3,824	11.1	0.8%		Link
NAB	Ngân hàng	14.6	-1.02%	0.5	24,963	16.6	2,337	6.2	1.7%		Link
OCB	Ngân hàng	11.9	-0.42%	0.9	31,690	16.9	1,460	8.2	19.8%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.4	-0.65%	1.3	6,870	58.4	571	26.9	5.3%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.9	0.37%	1.2	7,162	78.0	3,754	7.2	3.2%		Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	38.6	-1.66%	0.6	11,720	112.6	1,715	22.5	4.1%		Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.3	-2.57%	0.6	63,230	116.1	3,373	14.6	58.4%		Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	59.0	-2.96%	1.0	13,243	74.6	6,944	8.5	20.4%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	158.0	-1.06%	0.4	12,934	27.1	15,010	10.5	84.6%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	74.6	-0.53%	1.2	7,945	38.4	6,245	12.0	48.9%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	96.0	-3.03%	1.1	10,981	119.5	5,128	18.7	5.5%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.0	0.00%	1.3	4,531	40.9	3,037	14.8	8.5%		Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.7	-1.55%	1.1	6,949	32.0	1,096	11.6	10.6%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.4	-3.11%	1.1	9,604	90.3	1,377	17.0	13.9%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.8	-1.30%	1.1	14,739	101.2	6,148	3.7	4.2%		Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	48.3	1.26%	1.4	21,655	53.0	3,090	15.6	2.6%		Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
2	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
3	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
4	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
5	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
6	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
8	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
15	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
16	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
17	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
18	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>